



NHU CẦU HỌC VÀ SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

Lưu Nguyễn Quốc Hưng

Trung tâm Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 27/04/2017

Ngày nhận bài sửa: 27/06/2017

Ngày duyệt đăng: 31/08/2017

Title:

Needs for language learning and using in Can Tho City in the context of integration

Từ khóa:

Đánh giá nhu cầu, hội nhập, nhu cầu, ngoại ngữ, tiếng Anh

Keywords:

English, integration, needs analysis, languages

ABSTRACT

Needs analysis in learning foreign languages is a requisite for making decisions related to determining program objectives, designing curriculum and materials, selecting appropriate methodology of teaching and evaluation. This article presents results of the survey on learners's needs with the aims of providing information for predicting possible trends of language learning in Can Tho City in the era of integration in the region and in the world.

TÓM TẮT

Đánh giá nhu cầu học tập ngoại ngữ là bước tiên quyết nhằm giúp đưa ra các quyết định liên quan đến việc xác định mục tiêu, hay nội dung chương trình giảng dạy, giáo trình, tài liệu, phương pháp giảng dạy và đánh giá. Bài viết trình bày kết quả khảo sát nhu cầu học ngoại ngữ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ nhằm cung cấp thông tin dự báo các xu thế phát triển của việc học và sử dụng ngoại ngữ trong bối cảnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và thành phố Cần Thơ đang hội nhập sâu rộng trong khu vực và quốc tế.

Trích dẫn: Lưu Nguyễn Quốc Hưng, 2017. Nhu cầu học và sử dụng ngoại ngữ trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong bối cảnh hội nhập. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51c: 7-12.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế Việt Nam hội nhập quốc tế, và đặc biệt việc các nước ASEAN (Association of Southeast Asian Nations) thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) từ cuối năm 2015, việc đào tạo, và nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh đang được coi là ưu tiên hàng đầu (Đàm Xuân Vận, 2015). Chính phủ Việt Nam đưa ra chỉ tiêu phấn đấu “5% số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên vào năm 2015 và đạt 30% vào năm 2020” (Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ). Trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực các tỉnh lân cận, nhu cầu học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, vẫn là rất lớn (Thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ, 2014). Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập vào Cộng đồng kinh tế ASEAN, việc đánh giá nhu cầu học và sử dụng

ngoại ngữ là rất hữu ích và cấp thiết nhằm cung cấp thông tin dự báo các xu thế phát triển của việc học và sử dụng ngoại ngữ trong thời gian sắp tới cũng như xác định các yếu tố tác động khi lựa chọn ngoại ngữ học tập, từ đó giúp các nhà giáo dục, các nhà quản lý hoạch định việc phát triển giảng dạy, xác định mục tiêu, nội dung, và phương pháp trong thiết kế chương trình (Jin, Liu, & Zhang, 2015).

2 CƠ SỞ LÝ LUẬN

Trong nghiên cứu này, khung phân tích nhu cầu ngoại ngữ của Dudley-Evans và St. John (1998) được sử dụng để xây dựng bảng câu hỏi và là cơ sở lý luận để tìm hiểu thực trạng sử dụng, năng lực ngoại ngữ, khoảng cách giữa năng lực hiện tại và yêu cầu ngoại ngữ trong bối cảnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, và thành phố Cần Thơ đang hội nhập sâu rộng trong khu vực và quốc tế. Ở cấp độ toàn diện và chi tiết, mô hình này cung

cấp thông tin liên quan đến nghiên cứu khảo sát về nhu cầu gồm:

- Những thông tin về môi trường học tập ngoại ngữ của người học.

- Những thông tin cá nhân về người học ngoại ngữ: những nhân tố có thể tác động đến việc học của họ như kinh nghiệm học ngoại ngữ và các thông tin văn hóa khác như mong muốn, phương tiện học tập, nhu cầu chủ quan.

- Những thông tin về năng lực ngoại ngữ hiện tại của người học (họ biết ngoại ngữ gì, các kỹ năng hiện tại như thế nào ...).

- Sự thiếu hụt giữa năng lực ngoại ngữ hiện tại ở người học so với nhu cầu khách quan của nghề nghiệp.

- Những mong muốn của người học (nhu cầu ngắn hạn).

- Nhu cầu học: những thông tin về học ngoại ngữ: học như thế nào cho hiệu quả.

- Những thông tin nghề nghiệp của người học: nhu cầu khách quan, ngoại ngữ sẽ được sử dụng cho những hoạt động gì trong công việc.

- Những thông tin được người sử dụng lao động thông báo đến người lao động

2.1 Đối tượng tham gia

Có tất cả 330 người tham gia trả lời câu hỏi khảo sát, gồm 300 học viên và 30 người là viên chức quản lý đang làm việc ở nhiều lãnh vực chuyên môn khác nhau.

2.1.1 Nhóm tham gia là học viên

Mẫu học viên được lựa chọn từ các lớp học ngoại ngữ ở một số trung tâm, cơ sở giảng dạy ngoại ngữ có quy mô tối thiểu từ 500 học viên. Bảng khảo sát được gửi theo lớp, được lựa chọn ngẫu nhiên. Bảng 1 cung cấp một số thông tin về nhóm mẫu nghiên cứu là học viên.

Bảng 1: Thông tin của nhóm học viên

Đặc trưng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	137	45,7
Nữ	163	54,3
Nghề nghiệp		
Sinh viên	293	97,7
Học viên cao học/ NCS	1	0,3
Viên chức	3	1,0
Khác (kế toán, buôn bán)	3	1,0
Thời gian học tập ngoại ngữ		
Dưới 1 năm	22	7,3
Từ 1 năm đến 5 năm	50	16,7
Trên 5 năm	228	76,0

Các thông tin ở Bảng 1 cho thấy tỷ lệ sinh viên chiếm đại đa số trong nhóm trả lời khảo sát (97,7%). Số ít còn lại là học viên cao học và người đi làm. Số lượng nam chiếm tỷ lệ 45,7% và nữ là 54,3%. Thời gian học tập ngoại ngữ trên 5 năm chiếm 76%; thời gian học từ 1 đến 5 năm chiếm 16,7%, và dưới 1 năm là 7,3%.

2.1.2 Nhóm tham gia là viên chức quản lý

Mẫu các nhà quản lý tham gia nghiên cứu gồm các viên chức đang làm việc tại các cơ quan, sở, ngành, công ty trên địa bàn thành phố. Việc chọn mẫu được thực hiện ngẫu nhiên từ viên chức hiện đang làm công tác quản lý trong nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Thông tin về lãnh vực chuyên môn, số lượng nhân viên của nhóm mẫu này được liệt kê ở Bảng 2.

Bảng 2: Một số đặc trưng xã hội của nhóm viên chức quản lý

Lĩnh vực chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giáo dục và đào tạo	3	10,0
Y tế	6	20,0
Tài chính, ngân hàng	5	16,7
Văn hóa, du lịch, thể thao	2	6,6
Thông tin-truyền thông	1	3,3
Xuất nhập khẩu	3	10,0
Hành chính sự nghiệp	6	20,0
Lĩnh vực khác:		
Hàng không		
Báo chí	4	13,4
Kiểm nghiệm chất lượng		
Quy mô cơ quan		
Dưới 10 người	3	10,0
Từ 11 đến 50 người	11	36,7
Từ 51 đến 100 người	6	20,0
Trên 100 người	10	33,3

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đối với nhóm tham gia là học viên

Trong tổng số 300 học viên được hỏi về tầm quan trọng của việc học tập ngoại ngữ, phần lớn (75%) trả lời là rất quan trọng, và 24,3% cho là quan trọng. Liên quan đến mục đích học tập, thông tin ở Bảng 3 cho thấy tỷ lệ cao nhất (71,7%) là học để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh của bản thân. Có 168 học viên (56%) lựa chọn mục đích học ngoại ngữ là do yêu cầu của chương trình học ở trường, và 51% là để giao tiếp cơ bản. Có 30% số học viên cho biết lý do học là vì sở thích. Ngoài các mục đích nêu trên, người trả lời còn nêu các lý do khác như đáp ứng cơ hội tìm việc, du học hay du lịch nước ngoài, hoặc để tham khảo tài liệu tiếng nước ngoài, phục vụ học tập.

Đa số học viên trả lời khảo sát (233 người) xác định tiếng Anh là ngôn ngữ rất quan trọng, và 66 người cho là quan trọng (Bảng 4). Tiếng Nhật đứng vị trí thứ hai với 149 người lựa chọn quan trọng và 34 cho là rất quan trọng. Sau tiếng Anh và tiếng Nhật, tiếng Hàn cũng được quan tâm nhiều hơn so với tiếng Trung, tiếng Đức và tiếng Thái. Kết quả này cho thấy tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ phổ biến nhất, tuy nhiên, các bạn trẻ có khuynh hướng chú ý đến các ngôn ngữ khác trong xu thế hội nhập như ngôn ngữ Nhật, Hàn.

Bảng 3: Mục đích học ngoại ngữ

Mục đích học ngoại ngữ	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Do yêu cầu của chương trình học ở trường	168	56
Để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh của bản thân	215	71,7
Để giao tiếp cơ bản	153	51,0
Vì sở thích	90	30,0

Liên quan đến việc lựa chọn các kỹ năng để rèn luyện, Nghe-Nói-Giao tiếp là kỹ năng được chú trọng nhiều nhất với 293 người trả lời lựa chọn. Kế tiếp, kỹ năng viết và kỹ năng đọc với lần lượt số người lựa chọn là 135 và 100 người. Có thể dự đoán ngữ pháp không được nhấn mạnh so với các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói.

Bảng 4: Mức độ quan trọng của các ngoại ngữ đối với nhóm học viên

Ngoại ngữ	Rất quan trọng	Quan trọng	Kém quan trọng	Không quan trọng
Tiếng Anh	233	66	-	1
Tiếng Pháp	6	145	84	44
Tiếng Đức	2	66	129	77
Tiếng Trung	13	121	102	44
Tiếng Nhật	34	149	71	29
Tiếng Hàn	15	113	109	40
Tiếng Thái	1	50	126	93

Bảng 5: Thông tin về các kỹ năng ngoại ngữ cần nâng cao

Kỹ năng cần cải thiện	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Nghe-Nói/Giao tiếp	293	97,7
Đọc	100	33,3
Viết	135	45,0
Ngữ pháp	78	26,0

Về thời gian học tập, 62% số học viên lựa chọn theo học 3 buổi tối trong tuần là thời lượng thích hợp. Lựa chọn 4 buổi cũng khá được quan tâm với 15,3% số học viên được hỏi đồng ý. Thông tin này

rất hữu ích cho các cơ sở giảng dạy trong việc thiết kế chương trình và tổ chức giảng dạy ngoại ngữ.

Được hỏi về hình thức học tập, ngoài phần đông học viên (193 người) lựa chọn theo học tại các trung tâm ngoại ngữ và học theo chương trình cung cấp tại trường (126 người), một xu thế mới là học viên học ngoại ngữ trực tuyến trên mạng (171 người) hoặc tự học ở nhà (170 người). Tham gia câu lạc bộ ngoại ngữ cũng là hình thức đề trau dồi ngoại ngữ khá phổ biến, với 116 người trả lời lựa chọn.

Để lựa chọn nơi học ngoại ngữ thích hợp, đa số học viên trả lời thương hiệu và uy tín của cơ sở giảng dạy là tiêu chí lựa chọn. Thông tin cần thiết này giúp các cơ sở đào tạo xác định nhu cầu xây dựng và phát triển thương hiệu cũng như ổn định chất lượng giảng dạy để thu hút người học trong bối cảnh cạnh tranh của rất nhiều trung tâm và cơ sở giảng dạy ngoại ngữ. Yếu tố học phí phù hợp cũng là tiêu chí lựa chọn quan trọng, với hơn 50% người trả lời quan tâm. Các tiêu chí giảng viên danh tiếng, nơi học thuận tiện với chỗ ở hay cơ sở vật chất nơi học tuy không quá quan trọng nhưng cũng là những yếu tố được người học cân nhắc khi lựa chọn học ngoại ngữ. Một số tiêu chí khác gồm thời gian học hợp lý, có giảng viên người nước ngoài giảng dạy.

Bảng 6: Thông tin về lựa chọn hình thức học tập

Hình thức học tập	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Học theo chương trình cung cấp ở trường	126	42,0
Học tại trung tâm ngoại ngữ	193	64,3
Tự học ở nhà	170	56,7
Học trực tuyến trên mạng Internet	171	57,0
Tham gia câu lạc bộ ngoại ngữ	116	38,7

Bảng 7: Thông tin về lựa chọn nơi học

Lựa chọn nơi học	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Thương hiệu và uy tín của cơ sở giảng dạy	222	74,0
Giới thiệu từ bạn bè	44	14,7
Học phí phù hợp	163	54,3
Giảng viên danh tiếng	82	27,3
Cơ sở vật chất hiện đại	61	20,3
Thuận tiện với nơi ở	80	26,7

Về các khó khăn trong việc học tập ngoại ngữ, hơn 50% người trả lời lựa chọn khả năng không theo kịp chương trình là trở ngại lớn nhất, cao hơn các yếu tố mức học phí cao hay động lực học tập. Một số các khó khăn khác được nêu là không thu

xếp được thời gian học tập hay thiếu môi trường để thực hành.

Bảng 8: Thông tin về khó khăn khi học tập ngoại ngữ

Stt	Trở ngại khi học tập	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
1	Sợ khả năng không theo kịp chương trình	160	53,3
2	Sợ thiếu động lực nên bỏ học giữa chừng	105	35,0
3	Sợ mức học phí quá cao	125	41,7

3.2 Đối với nhóm tham gia là viên chức quản lý

Trong số 30 người tham gia khảo sát, 90% người trả lời đánh giá việc sử dụng ngoại ngữ ở cơ quan là quan trọng, đặc biệt là tiếng Anh, chiếm tỷ lệ gần như tuyệt đối, khoảng 96,6%. Cũng cần lưu ý là có 1 trong 30 viên chức nhận xét việc sử dụng tiếng Anh là không quan trọng. Viên chức này làm việc cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, là môi trường gần như không sử dụng đến ngoại ngữ. Các viên chức ngành tài chính, y tế, và xuất nhập khẩu (chiếm tỷ lệ 46,6%) nhấn mạnh tầm quan trọng của ngoại ngữ nhiều hơn, trong khi khối hành chính sự nghiệp (16,7%) nhìn chung không chú ý nhiều đến sự cần thiết của ngoại ngữ.

Sau tiếng Anh, tiếng Pháp cũng được đánh giá là quan trọng (36,7%), chủ yếu từ các cơ quan y tế và xuất nhập khẩu. Theo thông tin ở Bảng 9, các ngôn ngữ như tiếng Đức, Trung, Nhật, Hàn, tiếng Thái không được đánh giá ưu tiên, tuy nhiên khoảng 15% số viên chức cũng xác định tiếng Nhật và tiếng Trung là quan trọng. Một thông tin cũng cần lưu ý là đối với tiếng Thái, không có viên chức nào xác định ngôn ngữ này là cần thiết.

Bảng 9: Mức độ quan trọng của các ngoại ngữ đối với nhóm viên chức quản lý

	Rất quan trọng	Quan trọng	Kém quan trọng	Không quan trọng
Tiếng Anh	13	10	-	1
Tiếng Pháp	1	7	-	9
Tiếng Đức	-	2	3	10
Tiếng Trung	-	4	3	9
Tiếng Nhật	2	3	-	12
Tiếng Hàn	-	2	2	11
Tiếng Thái	-	-	3	12

Theo thông tin trình bày ở Bảng 10, về mức độ đáp ứng công việc với trình độ ngoại ngữ của nhân viên hiện ở cơ quan, 53,3% số viên chức được hỏi đánh giá ở mức trung bình, và khoảng 43,3% cho rằng với trình độ ngoại ngữ hiện tại, viên chức của

cơ quan có thể đáp ứng tốt công việc. Dù không có viên chức đánh giá ở mức độ đáp ứng rất tốt, nhưng nhìn chung mức độ đáp ứng công việc là khá tích cực.

Bảng 10: Mức độ đáp ứng công việc

Mức độ đáp ứng	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Đáp ứng rất tốt	0	0,0
Đáp ứng tốt	13	43,3
Đáp ứng trung bình	16	53,4
Không đáp ứng	1	3,3

Xét về các lĩnh vực sử dụng ngoại ngữ như giao tiếp, thuyết trình, soạn thảo công văn, đọc tài liệu, tỷ lệ cao nhất là 33,3% viên chức có thường xuyên sử dụng ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh giao tiếp (Bảng 11). Tỷ lệ này không cao nhưng cũng cho thấy việc sử dụng ngoại ngữ, nhất là giao tiếp với đối tác nước ngoài cũng khá thường xuyên, đặc biệt đối với viên chức làm việc trong ngành y tế và du lịch. Tỷ lệ thường xuyên đọc công văn, thư từ giao dịch và đọc báo cáo, tài liệu chuyên môn ở mức tương đương là 16,7%. Tuy nhiên, 36,7% người khảo sát trả lời chưa bao giờ trình bày báo cáo bằng ngoại ngữ ở các hội thảo, hội nghị. Tỷ lệ không sử dụng ngoại ngữ cao nhất là ở hoạt động viết báo cáo, bài nghiên cứu với 43,3% người trả lời lựa chọn. Nhìn chung, các viên chức sử dụng ngoại ngữ trong nghe, nói và đọc nhiều hơn là viết. Ngoài ra, viên chức làm việc ở khối hành chính sự nghiệp hạn chế sử dụng ngoại ngữ trong môi trường công tác.

Liên quan đến các kỹ năng cần cải thiện như trình bày ở Bảng 12, đại đa số viên chức (93,3%) được hỏi xác định cần nâng cao kỹ năng giao tiếp. Việc chú trọng nâng cao các kỹ năng ngoại ngữ có mối liên hệ với lĩnh vực hoạt động chuyên môn của người trả lời. Ở kỹ năng đọc, khoảng 50% người trả lời là cần chú trọng, đặc biệt là những người làm việc trong lãnh vực xuất nhập khẩu và các cơ quan hành chính sự nghiệp. Có 33,3% số viên chức, trong đó nhiều nhất là những người làm việc trong lãnh vực y tế đề cập cần chú ý đến kỹ năng viết. Kỹ năng ít được chú trọng nhất là ngữ pháp khi chỉ có khoảng 16,7% người đồng ý, chủ yếu là các viên chức từ khối hành chính sự nghiệp.

Đánh giá về nhu cầu sử dụng ngoại ngữ trong tương lai có 26 trong 30 viên chức trả lời kỹ năng giao tiếp là cần thiết. Ngoài ra, ngoại ngữ chuyên ngành cũng khá quan trọng đối với nhóm tham gia trả lời khảo sát (36,7%). Các chuyên ngành được đề cập bao gồm hàng không, y tế, du lịch, phân tích và kiểm định, và tài chính kế toán. Dịch thuật và phiên dịch cũng có nhu cầu nhưng tỷ lệ không cao (16,7% cho mỗi lãnh vực).

Bảng 11: Các lĩnh vực sử dụng ngoại ngữ và mức độ thường xuyên sử dụng

Lĩnh vực sử dụng ngoại ngữ	Thường xuyên	Có sử dụng nhưng không thường xuyên	Không bao giờ
Giao tiếp miệng với đối tác nước ngoài	10 (33,3%)	16 (53,3%)	3 (10%)
Trình bày báo cáo, thảo luận ở hội thảo, hội nghị	4 (13,3%)	11 (36,7%)	11 (36,7%)
Viết công văn, thư từ giao dịch	4 (13,3%)	12 (40%)	9 (30%)
Viết báo cáo, bài nghiên cứu	3 (10%)	8 (26,7%)	13 (43,3%)
Đọc công văn, thư từ giao dịch	5 (16,7%)	18 (60%)	3 (10%)
Đọc báo cáo, tài liệu chuyên môn	5 (16,7%)	19 (63,3%)	2 (6,7%)

Bảng 12: Thông tin về các kỹ năng ngoại ngữ cần nâng cao

Kỹ năng cần nâng cao	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Nghe-Nói/Giao tiếp	28	93,3
Đọc	14	46,7
Viết	10	33,3
Ngữ pháp	5	16,7

Bảng 13: Thông tin về các lĩnh vực ngoại ngữ cần phát triển

Lĩnh vực ngoại ngữ cần phát triển	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
Dịch thuật	5	16,7
Phiên dịch	5	16,7
Giao tiếp	26	86,7
Chuyên ngành	11	36,7

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

Nghiên cứu thực hiện đã khái quát thực trạng và nhu cầu sử dụng ngoại ngữ trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong bối cảnh hội nhập. Nhìn chung, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, được xác định là quan trọng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Ngoài tiếng Anh, như có thể tiên đoán, tiếng Pháp vẫn được quan tâm và chú trọng, nhất là trong lĩnh vực y tế. Tuy nhiên, với các bạn trẻ, tiếng Trung và tiếng Nhật là hai ngoại ngữ ngày càng phổ biến. Đây là xu thế tất yếu khi Việt Nam hội nhập khu vực. Dù cần thiết ở mức độ thấp, Tiếng Đức, tiếng Hàn, và tiếng Thái cũng được quan tâm. Kết quả này cho thấy trong bối cảnh hội nhập khu vực ngày càng sâu rộng, nhu cầu học tập các ngôn ngữ Trung, Nhật, Hàn sẽ được chú trọng.

Nghe, Nói vẫn là những kỹ năng ngôn ngữ được chú trọng nhất đối với hầu hết học viên; đây là thông tin quan trọng giúp các cơ sở giảng dạy chú ý xây dựng chương trình và giảng dạy nhằm đáp ứng phát triển các kỹ năng giao tiếp này. Ngoài các chương trình giảng dạy chính khóa, các cơ sở, trung tâm đào tạo cũng cần lưu ý phát triển các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ, các buổi dã ngoại, giao lưu nhằm tạo môi trường thực tập tự

nhiên và thường xuyên hơn. Theo kết quả khảo sát, ngữ pháp không còn môn học cần thiết với nhiều học viên, đặc biệt với nhóm học viên trẻ tuổi. Khuynh hướng trong giảng dạy gần đây là ngữ pháp được lồng ghép với các kỹ năng, chứ không giảng dạy riêng biệt theo phương pháp truyền thống.

Về các lĩnh vực sử dụng, ngoại ngữ theo chuyên ngành như: y khoa, xuất nhập khẩu, ngân hàng ... đang là nhu cầu phổ biến, chỉ sau các lớp giao tiếp tổng quát. Các khóa học ngoại ngữ chuyên ngành theo yêu cầu, tổ chức theo nhóm nhỏ, linh hoạt về thời gian và chương trình có thể đáp ứng được nhu cầu người học trong thời gian tới.

4.2 Đề xuất

Trên phương diện vĩ mô, Nhà nước (tham mưu từ Bộ Giáo dục và Đào tạo) cần đầu tư nhiều hơn cho việc dạy và học ngoại ngữ; có chính sách mở cửa và xã hội hóa việc dạy và học ngoại ngữ, đa dạng hóa các hình thức dạy và học ngoại ngữ.

Nhà nước cần đưa ra chính sách sử dụng ngoại ngữ phù hợp hơn. Ngoại ngữ phải được coi là một môn học bắt buộc cho tất cả học sinh và sinh viên; tuy nhiên cần đưa vào dạy nhiều ngoại ngữ khác nhau để học sinh và sinh viên có thể lựa chọn theo sở thích và nhu cầu. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả học ngoại ngữ ở trường phổ thông, cần đưa ngoại ngữ vào dạy từ cấp tiểu học, tăng giờ học hợp lý.

Để vấn đề dạy, học và sử dụng ngoại ngữ trong các cơ quan nhà nước thực sự có hiệu quả, cần thiết phải có chính sách vừa bắt buộc vừa khuyến khích cán bộ và công chức học ngoại ngữ thông qua các chế độ ưu tiên về tuyển dụng, tăng lương, trọng dụng những người giỏi ngoại ngữ, mở các lớp học miễn phí..., và cần thiết tạo môi trường sử dụng ngoại ngữ cho cán bộ trong các cơ quan nhà nước.

Đối với doanh nghiệp, cần tạo ra sự thống nhất trong nhận thức về quan hệ giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Doanh nghiệp là người nắm rõ nhất những yêu cầu về phẩm chất, năng lực, và trình độ ngoại ngữ của người lao động mình cần tuyển; có thể đặt hàng trước với cơ sở đào tạo trong việc đào tạo nguồn nhân lực, tránh tình trạng đào tạo thừa

và đào tạo không đáp ứng được yêu cầu; có thể cùng tham gia đào tạo bằng cách góp ý kiến về xây dựng, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo thông qua việc cung cấp thông tin, phản biện nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tế.

Đối với các cơ sở đào tạo ngoại ngữ, cần phải có một chương trình giảng dạy ổn định, thống nhất xuyên suốt các bậc học do các chuyên gia đầu ngành biên soạn dựa trên những cơ sở khoa học nhất về dạy và học ngoại ngữ. Chương trình cần giảm khối lượng kiến thức lý thuyết, tăng khối lượng thực hành và phải đáp ứng được yêu cầu về kiến thức chuyên môn của doanh nghiệp. Cần dạy những kiến thức sinh viên và xã hội cần chứ không phải dạy cái gì sẵn có.

Phương pháp dạy và học ngoại ngữ cần phải đổi mới nhiều hơn theo hướng nâng cao thực hành, tăng cường rèn luyện các kỹ năng giao tiếp. Các phần mềm hỗ trợ giảng dạy và ứng dụng kỹ thuật vào giảng dạy như bảng tương tác cũng là khuynh hướng phổ biến trong giảng dạy ngoại ngữ.

Giáo viên đóng vai trò then chốt trong tiến trình đổi mới và nâng cao hiệu quả giảng dạy. Bên cạnh việc đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp, phương tiện dạy và học, cần chú ý tuyển chọn và đào tạo giáo viên dạy ngoại ngữ đủ năng lực chuyên môn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đàm Xuân Vận (2015). Báo cáo tham luận chuẩn hoá năng lực ngoại ngữ cho giảng viên dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, truy cập ngày 28/4/2015. Địa chỉ: <http://tuaf.edu.vn/trungtamngoaingu/bai-viet/bao-cao-tham-luan-chuan-hoa-nang-luc-ngoai-ngu-cho-giang-vien-day-chuyen-nganh-bang-tieng-anh-tai-truong-dhnl-5523.html>
- Dudley-Evans, T., & St John, M. (1998). *Development in ESP: A multi-disciplinary approach*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Jin, J., Liu, H., & Zhang, Y. (2015). A research on students' needs for follow-up curriculum of college English. *Journal of Education and Training Studies*, 3(1): 116-128
- Quyết định của Thủ tướng số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 về việc phê duyệt “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020”, truy cập ngày 28/4/2015. Địa chỉ: http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=18&mode=detail&document_id=78437
- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ. (2014). Tổng hợp số liệu thống kê năm học 2013-2014, truy cập ngày 28/4/2015. Địa chỉ: <http://cantho.edu.vn/ver2/portal.php?u=soct&mode=news&topic=4363&title=nien-giam-thong-ke>